

PHÁP HOA QUYỀN NGHĨA THÍCH THIÊM

QUYỂN 6

Tiếp theo giải thích về Tùy trí không nói về tâm sở kiến của người thế gian là chỉ trình bày về Thánh nhân đã thấy Nhị Đế tự làm thành một loại, trong đó phân làm năm:

1. Thiết lập tướng.
2. Từ “Như nhân...” trở xuống là đưa ra ví dụ.
3. Từ “Hựu như...” trở xuống là dẫn sự.
4. Từ “Cố kinh...” trở xuống là dẫn Giáo kết luận tên gọi.

Phật ở địa vị cao nhất cho nên nêu ra địa vị cao nhất để chứng minh trí thù thắng và kết luận có được tên gọi. Trong văn phần một ngộ lý là thấy chính xác lại có năng lực hiểu rõ Tục Đế, cho nên biết tùy trí có đủ Nhị Đế. Trong phần hai là ví dụ Sắc - Không tức là ví dụ cho Nhị Đế. Trong phần ba là dẫn sự thì dẫn ra sự việc gần để so sánh với lý xa, đi vào Sự thiện như tỏ ngộ chân lý, thân rộng rang tâm sáng suốt như hiểu rõ Tục đế. Trong phần bốn là ví dụ hiển bày Kiến Hoặc như mây nhỏ, Tư Hoặc như mây lớn, Vô lậu gọi là thấy Chân đế - Thế trí gọi là hiểu rõ Tục Đế. Trong phần năm là kết luận tên gọi đưa ra phạm phụ để hiển bày hàng Thánh đạt được, cho nên biết Thánh nhân có đủ Nhị Đế. Phần thứ tư là kết luận thì văn có thể thấy.

Tiếp theo là chính thức trình bày về Nhị Đế, trong đó phân làm bốn:

1. Trình bày ý hướng đến.
2. Trình bày về công năng.
3. Từ “Sở ngôn...” trở xuống là giải thích rộng ra.
4. Từ “Vấn đáp...” trở xuống là hỏi đáp liệu giản.

Văn phần một là tất cả các nghĩa giải thích hoặc từ rộng rãi mà tóm lược, hoặc là trước tóm lược sau mở rộng. Thuận theo tóm lược tức là sử dụng trước Khoa Tiết, thuận theo mở rộng thì Giáo môn là Đương Phần. Vì vậy nói tóm lược là chỉ riêng một pháp tánh để đối với vô minh. Vô minh là bắt đầu của sự mê muội chân lý, pháp tánh thì hoàn

toàn dựa vào vô minh. Từ vô thí đến nay nào đã từng chẳng phải là chân thật, trước lúc chưa phá tâm không có chân thật nào không phải là Tục, chỉ chọn một pháp Nhị Đế rõ ràng, Tục chính là trăm Giới ngàn Như - Chân tức là cùng trong một niệm, nhưng vẫn hiển bày tướng trạng khác nhau. Nghĩa lý tuy đầy đủ mà Như ấy thô thiển nghe vẫn rơi vào Khổ, vì thế Đức Phật suốt cả một thế hệ lần lượt khai mở bảy lớp, hai mươi mốt lớp, để đi vào căn tính của sự vật khiến cho thông suốt bản hoài của Phật, khiến cho sự vật thỏa mãn chủng tử vốn có. Hai phần dưới đây phân định về ý khai mở như trước giải thích. Thứ hai trong phần công năng, có hai: Trước là đưa ra loại đầu; tiếp là lấy sau so với trước. Phần đầu lại có hai: Pháp và ví dụ. Pháp lúc ban đầu ấy như trong Chỉ Quán bắt đầu từ Ca La cuối cùng đến Viên rõ ràng không có gì không phải là Sơ giáo đã bị phá trừ, hướng là nêu ra sau này đều có ba loại ư? Thứ ba trong phần chính thức giải thích, có hai: Trước là nêu ra, tiếp là giải thích. Ý phần đầu: 1. Tạng; 2. Thông; 3. Biệt tiếp nhận Thông; 4. Viên tiếp nhận Thông; 5. Biệt; 6. Viên tiếp nhận Biệt; 7. Viên. Như trong Chỉ Quán vì thành tựu lý quán chỉ dùng lý giới ngoại để tiếp nhận lý giới nội, cho nên hai giáo Tạng - Thông trình bày về lý giới nội, hai giáo Biệt Viên trình bày về lý giới ngoại, hai giáo Thông - Biệt là trình bày về phạm vi giao tiếp của hai lý, vì vậy chỉ trình bày về Biệt tiếp nhận Thông mà thôi. Nay sáu lớp trước vẫn còn ở Giáo đạo, từ trước Pháp Hoa tìm cách phù hợp với Quyền cơ kia cho nên có hai nghĩa Viên tiếp nhận Thông và Biệt. Thật đạo chỉ thích ứng với lý Viên tiếp nhận Quyền, vì vậy giải thích văn này phải thuận theo Giáo đạo. Lại dùng Viên Trung tiếp nhận Đản Trung, nhưng bảy tên gọi này tuy thiết lập Nhị Đế, mà năm loại sau có ý nghĩa đã hàm chứa ba Đế, huyền có tức là Tục Đế - Không tức là Chân đế, Bất không là Trung đạo đế nhưng quán gọi là Trung Không thì hợp lại ở Đế nào? Nếu hợp vào Tục đế thì như Biệt giáo gọi là Nhị Đế bao hàm Chân phù hợp Tục. Nếu hợp vào Chân đế thì như Biệt - Viên đi vào Thông gọi là Nhị Đế bao hàm Trung phù hợp Chân. Tạng - Thông thì gọi là một Tục một Chân, Viên giáo thì gọi là Chân - Tục không nghĩ bàn. Tưởng tận được ý này tìm tên gọi giải thích nghĩa thì không mấy may sai sót. Tiếp đến trong phần giải thích, văn tự phân làm bảy: nếu muốn dựa vào Giáo ấy nhưng mà bảy văn này phân tán ở các kinh không một nơi nào đưa ra đầy đủ, chỉ riêng Đại Kinh quyển mười hai có văn về Tứ Đế sau đó đưa ra tám loại Nhị Đế, Chương An làm thành bảy loại Nhị Đế trừ ra một loại đầu là Tổng, bảy loại còn lại là Biệt. Thứ nhất nói như tâm người xuất thế đã thấy thì

gọi là Đệ nhất nghĩa đế, tâm người thế gian đã thấy thì gọi là Thế đế. Sở nói: “Đứng đầu các Đế, Thế tình nhiều loại tóm lại thành Thế đế, Thánh bốn trí nhiều tri thức tóm lại thành Đệ nhất nghĩa đế, tức là các Giáo tùy theo tình, tùy theo trí”. Kinh nói: “năm ấm hòa hợp xứng tên gọi nào đó thì gọi là Thế đế. Hiểu rõ ấm không có ấm cũng không có, tên gọi xa rời ấm cũng không có tên gọi, gọi là Đệ nhất nghĩa đế”. Ấm là thật pháp, tên gọi nào đó là giả danh tức là thật có Tục đế. Không có ấm, không có tên gọi tức là giả thật không, nếu xa rời ấm thì gọi là hư không bao la, vì vậy xa rời ấm cũng không có tên gọi nào cả và không có tên gọi Nhị Đế. Sở nói: “Tên gọi và không có tên gọi là Nhị Đế. Thế đế có tên gọi, Chân đế không có tên gọi tức là Sanh diệt Nhị Đế”. Kinh nói: “Hoặc là có pháp có tên gọi có thật thì gọi là Đệ nhất nghĩa đế, hoặc mười hai có pháp có tên gọi không có thật thì gọi là Thế đế. Huyền hóa giả danh tức là Không cho nên Thật tức là Chân đế, chỉ dựa vào huyền hóa nhưng có giả danh cho nên gọi là Thế đế”. Vì vậy Sở nói: “Nhị Đế thật, chẳng thật, chân thật huyền hóa chẳng thật, tức là Vô sanh Nhị Đế”. Kinh nói: “Như Ngã – Nhân - Chúng sanh - Thọ mạng - Tri kiến cho đến như lông rùa sừng thỏ... đều là ấm - giới - nhập thì gọi là Thế đế, Khổ - Tập - Diệt - Đạo thì gọi là Chân đế”. Sừng thỏ là Tục cùng với trước không khác nhau cho nên làm thành một Tục; nghĩa Tứ Đế bao hàm cùng làm thành Chân đế, tức là bao hàm Trung Chân đế. Vì vậy Sở nói: “Nhị Đế định - Bất định, tức là một Tục nhiều Chân, Tục là Bất định, Trung đạo gọi là Định”. Kinh nói: “Pháp thế gian có năm loại, đó là Danh thế, Câu thế, Phục thế, Pháp thế Chấp trước thế, đây gọi là Thế đế”. Văn kinh giải thích rộng ra, đối với năm pháp này mà tâm không điên đảo thì gọi là Đệ nhất nghĩa đế, năm loại pháp thế gian có tên gọi so với trước khác nhau về ý chính mà không sai khác cũng đều là một Tục. Đối với thế gian không có gì trái ngược gọi là thấy Thật Tướng. Giáo đạo Đản Trung tuy chưa cứu cánh mà Trung này cuối cùng hướng về phía trước cho nên là Thật. Vì vậy Sở nói: “Nhị Đế pháp, chẳng là pháp. Pháp gọi là Thật tướng, chẳng là pháp gọi là Tục, cũng là Nhị Đế Hàm Trung”. Kinh nói: “Thiên đốt cắt xẻ chết chóc hư hoại thì gọi là Tục đế, không có thiên đốt cắt xẻ chết chóc hư hoại... thì gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Địa Tiền phương tiện đều thuộc về Vô Thường cho nên nói có thể thiên đốt. Đẳng Địa thấy là Thường cho nên không có thiên đốt...” Vì vậy Sở nói: “Nhị Đế nhiều Tục một Trung vậy”. Kinh nói: “Có tám loại Khổ thì gọi là Thế đế, không có tám loại Khổ vốn là Đệ nhất nghĩa”. tám khổ và Vô Thường giống như nghĩa thiên đốt ở

trước; không có tám khổ, Chân thật tức là Thật Tướng. Vì vật Số nói: “Nhị Đế khổ, không khổ, cũng là nhiều Tục một Trung, Giáo đạo có Khổ, Viên Trung không có khổ”. Kinh nói: “Ví như một người có nhiều tên gọi, dựa vào cha mẹ sinh ra thì gọi là Thế đế, dựa vào mười hai duyên hòa hợp sanh ra thì gọi là Đế nhất nghĩa đế”. Dựa vào cha mẹ sanh ra tức là mười hai duyên mà phân thành hai, theo trong Đại Kinh trình bày thì mười hai duyên tức là Phật tánh, tạm thời căn cứ giải thích hiển bày thì dùng Phật tánh mà làm Chân đế dựa theo cha mẹ sanh ra tức là vô minh gọi là Thế đế. Vì vậy Số nói: “Nhị Đế hòa hợp, Chân Tục không hai cho nên gọi là hòa hợp, là Nhị Đế nhiều Tục nhiều Trung”. Sau đó chính là kết luận rằng: Nay bảy loại Nhị Đế này đã trừ bỏ văn này thì khó biết được ý chỉ của Phật cho nên tạm thời sử dụng ý của một Sư mà thôi. Thứ nhất giải thích về Tam Tạng thật có Nhị Đế ấy chỉ ra tên gọi tổng quát để giải thích thẳng thắn loại bỏ không trở lại nêu ra tên gọi khác biệt, trong đó phân làm hai: Trước là chính thức giải thích về Nhị Đế; tiếp là nêu ra ba ý. Văn phần đầu lại có bốn: Một, Giải thích về tướng; hai, Dẫn chứng; ba, Thuật ý; bốn, Kết luận tên gọi. Trong văn phần đầu nói “Sum La ấy là cần phải chỉ ra tướng Y, Chánh của tam giới. Trong phần hai là dẫn chứng nói Đại Phẩm nói Sắc Không, Không Sắc... ấy, đây là dẫn kinh Đại Phẩm để chứng minh Tam Tạng, đã không nói là Tức cho nên tạm thời chứng minh về Tạng giáo, Tục chỉ là Sắc phân tích diệt hết Sắc cho nên gọi là Không Sắc, nghĩa là Sắc thật có gọi là bất diệt, tuy không thể diệt nhưng bởi vì Vô Thường cho nên gọi là Sắc Không. Trong ba phần là thuật ý, bởi vì chủ thể Đối trị và khách thể Đối trị đều thật có cho nên cùng là không có. Tiếp từ “Ước thử...” trở xuống là giải thích chung về Tùy tình đều có ba loại, trải qua sáu lớp sau ý thuận theo có thể thấy, bởi vì các văn sau chỉ sơ lược gợi ý mà thôi, cho nên nói suy ra có thể biết. Tuy các giáo không như nhau chỉ dựa theo giáo khác nhau mà nói tức là Tùy tình, dựa theo đi vào lý mà nói tức là Tùy trí, hai nghĩa đối lập với nhau tức là Tùy tình trí, đều lấy đương giáo xác định khiến cho không tạp loạn, ý đó có thể rõ ràng.

Tiếp theo giải thích Nhị Đế tức Không ấy cũng có hai: Một. Giải thích Nhị Đế; hai. Trình bày ba ý. Văn phần đầu phân làm năm: Một. Thiết lập tên gọi; 2. Gạt bỏ trước đây; 3. Chính thức giải thích về tướng; 4. Dẫn chứng; 5. Kết luận tên gọi. Tất cả đều có thể thấy. Tiếp trong phần trình bày ba ý, có hai: Một là nêu ra; hai là phân biệt. Giáo này cả ba Thừa cùng đi vào Chân đế không khác với Tam Tạng, nhưng Tục đế

đã soi chiếu thì hai giáo không như nhau, cho nên cần phải tiếp tục phân biệt loại trừ nghi ngờ này, trong đó phân làm hai: Trước là nêu ra; tiếp là giải thích. Trong phần nêu ra nói Tiểu đương ấy là không có thời gian mở rộng và tạm thời sơ lược phân rõ lược phân rõ sai khác cho nên nói là Tiểu mà thôi. Tiếp từ “Hà giả...” trở xuống trong phần giải thích, có bốn: 1. Đưa ra đồng dị; 2. Giải thích đồng dị; 3. Từ “Như bách duyên...” trở xuống là nêu ví dụ; 4. Từ “Chỉ tự...” trở xuống là dẫn ví dụ. Hai phần trước có thể biết. Trong phần ví dụ, có hai: Trước là ví dụ, tiếp là hợp lại. Thứ nhất trong ví dụ nói lại hạn chế trở về trạng thái cũ thì sông suối lại khác nhau, hội tụ về biển rộng như Chân là giống nhau, sông suối như Tục là khác nhau. Dựa vào quán Tục để cho nên phù hợp với Chân Như, nhờ vào nhiều dòng chảy cho nên thành biển rộng. Hội tụ về biển rộng tuy như nhau nhưng tìm về nguồn cội ban đầu thì sông suối lại khác nhau, như tụ hội về Chân thì không sai khác nhưng tìm về Tục vốn có thì Tục chẳng giống nhau. Từ “Tục thị...” trở xuống là kết hợp ví dụ loại trừ nghi ngờ. Tiếp từ “Chỉ tự...” trở xuống là đem Tạng - Thông ra khỏi Giả không như nhau, dùng thí dụ Tạng - Thông là tục, hai người ra khỏi Giả là một nhưng mà ba căn không giống nhau, ngại gì hai giáo cùng là Chân mà Tục đã quán đều khác nhau. Tiếp theo giải thích về nghĩa tiếp nhận ấy tức là Hàm Trung đi vào Chân, trong đó phân làm ba: Một. Lấy một pháp nêu ra; Hai. Từ “Tục bất...” trở xuống sơ lược dùng ba pháp nêu ra; Ba. Từ “Kỳ tướng...” trở xuống là phân rõ tướng. Cùng dựa vào ba pháp để phân rõ tướng ấy, lậu, Vô lậu vốn là pháp thông thường, vì thành tựu nghĩa tiếp nhận cho nên thiết lập Song Phi, Không và Bất Không vốn là pháp khác biệt, tất cả các pháp hướng về vốn là pháp hoàn thiện, đối với mỗi một pháp đều có ba người chọn lấy cách hiểu không như nhau, bởi vì cơ gợi mở cho nên pháp đã nghe không giống nhau. Và lại Thông giáo Bồ tát dựa vào căn lợi độn phát sinh luyện tập không giống nhau, cho nên độn căn giống như Nhất Thừa thẳng đến Pháp Hoa mới được lĩnh hội, lợi căn như trước đây tiếp nhận phù hợp Trung đạo, vì vậy khiến cho cùng quán sát Tục để là huyền có mà hợp với Chân để đều khác nhau. Vì lẽ đó cơ Biệt - Viên gợi mở hướng về độn căn trú vào không khiến cho trở thành ba Biệt, do vậy để giải thích về nghĩa tiếp nhận hai giáo sau thì cần phải hướng về độn căn Thông giáo cộng thành ba người cùng nghe mà hiểu khác nhau, cho nên dựa theo lậu, Vô lậu để nêu ra biết rõ nguồn gốc. Nếu đạt được ý này thì đối với tất cả các pháp tự tại vô ngại, trong đó phân làm bốn: 1. Chính thức giải thích ba tướng; 2. Từ “Vô lượng...” trở xuống trình bày

về ba ý; 3. Từ “Hà cố...” trở xuống là giải thích chỗ khó hiểu; 4. Từ “Đại Phẩm...” trở xuống là dẫn chứng ba người. Văn phần một lại có hai: Một là chính thức giải thích; Hai là từ “Thị cố...” trở xuống là kết luận. Văn phần một tự có ba tách biệt. Văn phần đầu là ba người đều dấy lên tên gọi Song Phi mà chọn lấy cách hiểu không giống nhau, trong đó phân thành ba: Một. Dựa vào giáo thiết lập; Hai. Từ “Sơ nhân...” trở xuống trình bày về hành tướng; Ba. Từ “Hà giả...” trở xuống là giải thích lại. Chẳng phải Vô lậu thì loại trừ chấp trước, Vô lậu vô trước là do người thực hành dấy tâm duyên vào. Nay phá bỏ tâm chấp trước ấy, cho nên gọi là chẳng phải, vì vậy nói là chẳng phải Vô lậu. Từ “Như duyên...” trở xuống là dẫn ví dụ giải thích thành tựu trở lại tông chỉ Chân đế, xa lìa chấp trước nói là chẳng phải quay trở về Vô lậu. Đây là ý người thứ nhất, tức là độn căn Thông giáo. Người thứ hai người thứ ba tức là hai người lợi căn. Người Viên giáo cũng nói Song Phi ấy là gồm có phương tiện Thông giáo cho nên như vậy mà thôi. Tiếp theo dẫn Đại Kinh nói Không - Bất Không ví dụ lậu, Vô lậu có thể theo ý biết được. Tiếp đến nói ba người nghe hưởng về ấy, thì người thứ nhất nói các pháp không lìa xa nghĩa không cho nên tất cả các pháp hưởng về Không. Vì vậy dẫn ví dụ nói như cái bình, như các loại khác, như tức là Không vậy. Như cái bình là Không thì mười phương giới Không chẳng khác gì cái bình Không, cho nên mười phương Không đều hưởng về cái bình Không tức là người Thông giáo. Người thứ hai nghe hưởng về biết Đản Trung này cần phải tu tất cả các hạnh Địa Tiên để hưởng về sau mà phát khởi lý Trung đạo của Sơ Địa, tức là người Biệt giáo. Người thứ ba nghe thì có đủ tất cả gọi đó là hưởng về. Tiếp đến trong phần kết luận nói hoặc là đối đãi ấy, ba Chân là chủ thể đối đãi, một Tục là khách thể đối đãi. Tiếp theo trong phần trình bày về ba ý, có hai: Một là thiết lập; Hai là giải thích. Văn phần đầu nói Vô lượng... ấy là tướng tiếp nhận đã thành tựu hình thể thuận theo cơ, trong đó lại đều là tình cùng hợp với duyên, lấy bỏ thuộc về Địa cho nên nói ẩn hiện làm lợi ích cho chúng sanh. Tiếp trong phần giải thích, có hai: Một. Giải thích đi vào Chân; Hai. Giải thích soi chiếu tục. Trong phần đầu đi vào Chân nói nếu tùy theo trí chứng Tục để tùy theo trí chuyển đổi..., ấy là nếu như tùy theo trí chứng được một Tục để thì thuận theo chuyển thành ba Chân đế. Dùng Tùy trí này quan sát Tục là huyền có, bởi vì Tùy trí chuyển đổi chứng được Chân không giống nhau, cho nên thành ra ba loại Nhị Đế khác biệt, cùng lấy chữ trí Chứng là đầu câu, chữ Nhị Đế làm cuối câu. Từ “Tam nhân nhập trí...” trở xuống lại giải thích về Tùy trí chứng Chân,

sau đó tiếp tục dùng Chứng trí trải qua chiếu rọi Tục đế trước đây, vì thế khiến cho ba Tục hạn chế lẫn nhau không đồng. Nếu như thành Thiên Chân hạn chế theo huyền Tục, thành Bất Không Chân hạn chế theo Tục của hằng sa Phật pháp, thành Thật Tướng Chân hạn chế theo Tục của giới ngoại bát tư nghị. Trong phần ba giải thích chỗ khó hiểu, có hai: Một là thiết lập nghi ngờ; hai là giải thích. Trong phần giải thích nói đây là Bất cộng Bát-nhã và Nhị thừa cộng thuyết, các bộ Bát-nhã dùng pháp Bất cộng của hai loại Trung đạo là Đản, Bất Đản và Nhị thừa cộng thuyết, như nói Tứ Đế thanh tịnh cho nên Chân Như thanh tịnh... Ví dụ bộ Phương Đẳng không phải không có nghĩa này, bởi vì kinh Phương Đẳng phần nhiều thuận theo công kích trách mắng cùng chung nghĩa hơi sơ lược cho nên phân định thuộc về Bát-nhã, Bát-nhã đối với Bồ tát thì trở thành cộng thuyết. Vì vậy đến văn sau trong phần phân định về thô Diệu nói: Phương Đẳng có thuyết về Thông – Biệt đi vào Thông, Viên đi vào Thông. Phần bốn từ “Đại Phẩm vân...” trở đi là dẫn chứng ba người cùng thấy không giống nhau. Người thứ nhất vốn thuộc về Thông giáo cho đến Can Tuệ Địa cũng đạt được nghĩa nói là tương ứng với Tát Bà Nhã. Nếu như thành tựu Biệt - Viên cho dù đi vào Sơ Địa - Sơ Trụ cũng có thể Thông suốt là Sơ phát tâm. Bởi vì hướng về bản thân là lần đầu đạt được, hướng là chưa đi vào địa vị mà không phải là ban đầu ư? Văn này thì Biệt giáo là du hí thần thông ấy là vì giữ Giáo đạo chứng vốn thuộc về Viên giáo. Nếu đi vào Viên giáo thì cho dù Trụ Tiền cũng có thể gọi chung là ngôi nơi đạo tràng. Chính là tương tự quán hạnh là như Phật, vì khác với Biệt giáo cho nên thuộc về Sơ Trụ. Dẫn văn đồng dị đây đủ như Chỉ Quán quyển thứ bảy ghi lại. Tiếp theo trình bày về Nhị Đế của Biệt, trong đó có hai: 1. Chính thức trình bày; 2. Trình bày ba ý. Văn phần một lại có hai: Một. Chính thức giải thích về tướng; Hai. Từ “Nhị thừa...” trở xuống là quả trách Tiểu thừa, lại có hai: Một là quả trách; Hai là dẫn chứng. Văn phần đầu là Nhị thừa đối với Đốn giáo kia nghe Biệt giáo hãy còn tự mình giống như cầm điếc..., vì vậy nay quả trách Tiểu thừa thì cần phải dẫn ra văn ấy. Tiếp trong phần dẫn chứng nói năm trăm vị Thanh văn nghĩa là thuyết về Chân đế, trong Đại Kinh ba mươi ba nói: “Tuy Ta nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, mà chúng sanh không hiểu được ý lời nói của tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, mà chúng sanh không hiểu được ý lời nói của Phật. Nay người thiện nam! Nói lời như vậy là hậu thân Bồ tát hãy còn không thể nào hiểu được, hướng là Nhị thừa và các Bồ tát còn lại ư? Vào một thời gian Ta trú ở núi Kỳ Xà Quật cùng với Di Lặc luận bàn

về Thế đế, Xá-lợi-phất cùng năm trăm Thanh văn cũng không hề biết được điều này, huống là Đệ nhất nghĩa đế thuộc pháp xuất thế ư?” Sơ nói: “Hỏi rằng nơi nào vì năm trăm Thanh văn mà nói? Đáp: Một nói là trong Hoa Nghiêm như điếc như câm. Lại nói Tây Phương trải qua số lượng bao nhiêu? Lại nói Sư Thiên Thai nói có nhiều mối liên hệ”. Nhưng trong Đại Kinh mười lăm nói: “Lại nữa, Như Lai thuyết về Thế đế thì chúng sanh nói là Đệ nhất nghĩa đế. Có lúc thuyết về Đệ nhất nghĩa đế thì chúng sanh nói là Thế đế”. Vậy thì cảnh giới chư Phật không phải là cái biết của Nhị thừa. Nhị thừa đã lấy Tục đế của Bồ tát làm Chân đế, nên biết rằng Chân, Tục của Bồ tát hoàn toàn không phải là Nhị thừa cùng suy lường được. Tiếp theo là Viên tiếp nhận Biệt, lại có hai: Trước là chính thức giải thích, tiếp là trình bày ba ý. Văn phần đầu lại có hai: Một là sơ lược thiết lập; Hai là từ “Biệt nhân...” trở xuống là tách biệt giải thích về tướng. Nhị đế của Viên giáo, lại có hai: Trước là giải thích về Nhị Đế, tiếp là trình bày ba ý. Trong văn phần đầu lại có bốn: 1. Thiết lập; 2. Giải thích về tướng; 3. Ví dụ; 4. Trình bày ý của Đế. Văn phần một chỉ dùng Nhị Đế đều không thể nghĩ bàn để phân biệt, trước trong phần nêu tên gọi đã sơ lược xuất hiện tướng ấy, như nói ba đế đều nói về thú hưởng. Tiếp trong phần hai giải thích về tướng chỉ nói Tướng Tức là nói nhiều về Thông giáo, nên thuận theo ý mà nói. Ý dùng tất cả hưởng về Trung đạo làm Chân cùng với trăm Giới ngàn Như và ngàn Như vốn là Không làm Tục mà Tướng Tức, cho nên biết Tức này, chính là thứ tự ba Đế củ Biệt giáo kia, thứ tự Tức rồi mới thành tự Tục này. Vì sao? Bởi vì giáo kia nếu như chưa Tức hãy còn giống như Không của Tiểu thừa và tùy sự Giả đối đãi với Tức của Trung luận, nay nếu như Tức rồi thì cả ba đều là Viên cao nhất, không Tức là Tức, Tức mà không Tức cho nên có Lý Tức cho đến cứu cánh là do điểm này. Vì vậy biết Nhị Đế của Biệt giáo cho đến Bản Diệu Bản Tức của Thông - Tạng giáo vì tình nói là tự sai khác cho nên có thể công hạnh của người là Bồ tát đạo. Tiếp trong phần ba, ví dụ: Trước là ví dụ, sau là hợp lại. Như Như Ý Châu trong ví dụ như Chỉ Quán thứ năm ghi lại, văn ấy đầy đủ dùng ba ví dụ mới hiển bày rõ ràng. Ví dụ này cùng ví dụ trước là thiết lập và thứ hai là giải thích về tướng. Phần bốn là trình bày ý của Đế có thể thấy. Dùng ý thứ nhất để giải thích thì con đường lớn tự nhiên hiển bày. Tiếp theo là trình bày ba ý, trong đó lại có hai: Trước là giải thích, tiếp là dẫn chứng. Các loại duyên tức là Tùy tình, tức là dựa vào Pháp Hoa về trước, tâm yên ổn đoạn dứt nghi ngờ tức là ý trong Pháp Hoa, tức là Tùy trí, nếu như tình và trí đối lập với nhau tức là ý thứ ba

vậy. Trong phần thứ tư là liệu giản, đầu tiên hỏi về Chân - Tục thuận theo đối lập với nhau, thuận theo giống như Tam Tạng thì Tục có, Chân không có, hoặc là như Thông giáo huyền có - huyền không, tại sao Biệt tiếp nhận trở đi mà Chân - Tục khác nhau? Trong trả lời trước là nêu ra bốn câu, tiếp là giải thích bốn câu. Hai câu đầu có thể hiểu. Chân - Tục trong Biệt giáo khác nhau, Tục thì có, Không có chẳng như nhau, Chân thì chỉ một Trung đạo. Hai Đế Chân - Tục trong Viên giáo đã dung hợp thì tên gọi hai Đế giống nhau. Đồng và dị đối lập với nhau cho nên làm thành bốn câu. Từ “Thất chủng...” trở xuống là dựa vào liệu giản này, sơ lược tóm tắt bảy loại trước làm cho văn hiện rõ có thể thấy. Tiếp theo hỏi vì sao không tiếp nhận Tam Tạng, ấy là hỏi về Tam Tạng, Nhị thừa vĩnh viễn nhập diệt. Trong trả lời nói giới nội Tiểu thừa căn kém mà thủ chứng, vốn là người Nhị thừa trong giáo xưa kia. Sáu lại còn lại thì Ma Ha Diễn cùng xếp vào Nhị thừa, dựa theo Thông giáo Bồ tát giống như trước Pháp Hoa có thể có nghĩa tiếp nhận cho nên nói là sáu loại còn lại, Tam tạng Bồ tát không những giáo vựng về mà bởi vì chưa đoạn trừ Hoặc chướng cho nên nghĩa tiếp nhận không thành tựu do đó Nhất Giáo đều phế bỏ. Nói là phế bỏ ấy là bởi vì người Nhị thừa từ trước Pháp Hoa nảy sinh ý tưởng diệt độ, Bồ tát lại chuyển thành người phát huy Trung đạo. Nhưng Thông giáo Nhị thừa từ trước Pháp Hoa đạt được lợi ích của hai vị cũng gọi là tiến lên phía trước. Tam Tạng Nhị thừa dựa vào nảy sinh ý tưởng diệt độ ấy thì cho dù chưa nhập diệt mà bởi vì căn hủy hoại cho nên tâm Bồ-đề không còn. Đây là hoàn toàn căn cứ vào từ trước hội Pháp Hoa ngăn lại nói là căn hủy hoại, nếu như đến Pháp Hoa thì căn hủy hoại phát sinh trở lại, cho nên nói Căn ấy không thuộc về hội này ông nên vì họ tuyên thuyết. Cho dù đã nhập diệt mà đối với điều ấy cũng nghe, cho nên nói tuy nảy sinh ý tưởng diệt độ mà ở cõi kia có thể nghe kinh này. Tông gia Vô Tánh không thấy ý này. Hỏi: Nếu như không tiếp nhận như nhau thì đã không tiếp nhận Nhị thừa vì sao đều tụ hội? Ý trả lời có hai nghĩa không giống nhau. Người Nhị thừa từ trước Pháp Hoa không luận về được tiếp nhận, Pháp Hoa được hội tụ lại không phải là tiếp nhận, đầy đủ như Chỉ Quán thứ ba ghi lại.

Hỏi: Chỉ nói sáu loại còn lại được tiếp nhận sao giản lược Thông giáo Nhị thừa?

Đáp: Thông là diễn giáo sơ môn quán cảnh đều khéo léo có thể đi vào Bất không cho nên nói là được tiếp nhận. Người Tiểu thừa dựa vào đây cho nên không bàn luận, còn lại như từ trước đến nay đã nói.

Hỏi: Đây là văn diệt hóa của Pháp Hoa thì người Tiểu thừa đích

thực phải được tiếp nhận ư?

Đáp: Nghĩa tiếp nhận vốn ở trước kinh Pháp Hoa, trong đó vẫn là Bồ tát. Nay dựa vào lời nói là được tiếp nhận để chứng minh Bồ tát hồi tâm, dựa vào giáo mà luận thì không cần phải đều là tiếp nhận. Ba là phân định, trong đó có hai: Trước là dựa theo bảy lớp, hai là dựa theo ba ý. Văn phần đầu tự có bảy lớp, bảy lớp lần lượt trước thô sau Diệu, chưa tận cùng điểm cao nhất của Viên giáo, cho nên tuy là Diệu mà hãy còn thô. Thứ nhất trong Tam Tạng, có hai: Một là thiết lập; Hai là từ “Nhị đế...” trở đi là gạt bỏ. Nhưng trước là trong phần thiết lập vẫn dùng giáo sau để thiết lập mới có thể nói là Bán Tự giáo dẫn độn căn và loại trừ... Luận nói là giới nội Ái luận và Kiến luận, trải qua hai loại này mất đi công năng ấy thì nghĩa đó giống như hý luận. Lại tiếp tục gạt bỏ rằng hai Thể không thành tự, ý như trước đã nói. Tiếp theo trong Thông giáo nói là Mãn tự giáo ấy, nếu đối với bốn giáo thì ba giáo sau là Mãn tự giáo, nay đối với bảy lớp cho nên sáu lớp sau là Mãn Tự. Biệt giáo bàn về Lý không dụng hợp như trong phần phân định về Tứ Đế đã nói. Tiếp theo dựa vào ba ý, văn phân làm hai: Một. Xa rời phân định; Hai. Từ “Hựu thúc...” trở xuống là tóm lại để phân định. Trong phần một trước là nêu ra, tiếp là phân định. Trong phần phân định về giáo thì trong giáo đều là trước tự dựa theo tình và ba ý để phân định thô Diệu, tiếp là đi vào giáo sau lần lượt từng bước tăng thêm, vì vậy dựa vào nghĩa của năm Vị để biểu hiện cho tướng tăng thêm, vốn là từng bước phế bỏ nông cạn trước kia để có thể đi sâu vào sau này.

Đầu tiên là Tam Tạng, trong đó lại có ba: 1. Thiết lập; 2. Phân định; 3. Ví dụ. Trong phần một thiết lập, có bốn: Một. Thiết lập Tùy tình; Hai. Từ “Chấp thật...” trở xuống là gạt bỏ Tình thiết lập trí, lời của Giáo vốn là Thật mà phạm tình chưa tỏ ngộ chấp là thành kiến; Ba. Từ “Nhược năng...” trở xuống là chính thức trình bày về Tình, trí địa vị Hiền là Nhị Đế hợp lại làm Tục đế, địa vị Thánh thì Nhị Đế hợp lại thành Chân đế; Bốn. Từ “Tứ quả...” trở đi là chính thức trình bày về Tùy trí. Phần hai từ “Tùy tình...” trở xuống là phân định, tức là ngay trong giáo này thì trí Diệu mà tình thô, nếu như vậy thì tình, trí quả là cũng Diệu cũng thô, vốn là Chân Diệu mà Tục thô vậy. Phần ba từ “Thí như...” trở xuống tức là ý trong thời Lộ Uyển. Tiếp theo từ “Ký thành hạ minh...” trở xuống là sáu lớp, trong đó có hai: Trước là giải thích, tiếp là kết luận. Trong sáu lớp đều có tình, trí mà không trình bày tường tận tất cả, bởi vì hoạt dụng của tình, trí ở trong các Bộ theo thứ tự phối hợp kỹ càng, khiến cho độn căn Bồ tát và người Nhị thừa có thể phù hợp với

Tùy trí của Pháp Hoa, vì vậy dựa vào Sanh Tô và Thục Tô tổng quát tất cả mà nói. Đầu tiên nói đã thành tựu ấy là đạt được quả vị La hán rồi nghe pháp Đại thừa không phải báng cho nên nói là Thể Tín. Đi vào nghe hưởng về Đại thừa khi vượt ra hãy còn ở Tiểu thừa, không giống như lúc sợ hãi vua quan quyền thế cho nên nói là không còn tai nạn. Chính là dùng tình, trí để nói về Thông và Tam Tạng, Lộ Uyển vì có sẵn người Tạng giáo ở nơi ấy không cần phải trở lại Tạng giáo cho nên chỉ nói về Thông giáo. Ngay nơi chỗ này lại dùng Biệt - Viên mà tiếp nhận Thông giáo ấy là cùng so sánh mà nói, công kích gạt bỏ mà nói tức là hưởng về ý phù hợp với nhau. Từ “Linh kỳ...” trở xuống tức là trình bày về ý tuyên thuyết, ý muốn khiến cho giáo ấy chuyển thành Sanh Tô, nghĩa là nhận chịu công kích gạt bỏ để ca ngợi Đại thừa, tự trách mình thấp hèn tức là tướng lợi ích ấy vậy. Thông giáo lợi căn và người Biệt - Viên giáo tự ở một phía đạt được lợi ích không trở ngại gì. Từ “Thị thời...” trở xuống cũng nêu ví dụ, tiếp theo tâm dần dần bình đẳng đến trong Bát-nhã, không trở lại khốc lóc đau buồn giống như lúc trước cho nên nói là thông thái, tức là ba ý giải thích về Biệt giáo ấy trước đây ở trong Phương Đẳng thì nghĩa đã thành tựu thông suốt, cho nên đến Bát-nhã chỉ cần hai ý này, làm sáng tỏ về pháp Bất Cọng ấy là ý giải thích về Bộ vậy. Ý tuy là bất cọng mà còn có Phương Đẳng mới tiếp nhận thì Tiểu thừa đến đây cần phải thông suốt, cũng có phát triển môn gần đạt được Tiểu thừa ấy vốn là gồm cả dụng. Bạc Thượng trí gia bị cho nên nói là khiến được tiếp nhận. Nhà của Trưởng Giả là nhà Đại thừa, các vật dụng châu báu là sản nghiệp bất tư nghị, sản nghiệp tức là vàng bạc châu báu... giao cho Cùng Tử. Hóa tha là ra ngoài, Tự hành là đi vào, vả lại công lao giáo hóa là đi vào, đều khiến cho nhận biết chính là tướng lợi ích của Thục Tô. Đạt được lợi ích này rồi thì nghĩa thành tựu người Biệt giáo, chính là từ nơi này theo Viên giáo đi vào khiến cho có thể phù hợp với Pháp Hoa. Từ “Ký tri...” trở xuống là ví dụ, cho nên trong hai Vị chính là tướng của năm lớp Đại thừa. Từ “Chư Phật...” trở xuống tức là ý thứ sáu của Pháp Hoa. Tuy thuần là Đề hồ nhưng cũng sử dụng tình trí như nhau, như trong ba vòng đều có tên gọi khác nhau chính là điều đó vậy. Từ “Thị tắc...” trở xuống là tổng kết sáu lớp. Tiếp theo trong phần tóm lại để phân định, Ly nghĩa là tách biệt dựa theo tình, trí cùng các Vị không giống nhau, Thúc nghĩa là tổng quát thấu tóm một thế hệ làm tùy tình gồm ba ý. Hai giáo như trước tuy có tình, bốn trí gồm ba ý nay thấu tóm thành một tùy tình cho nên nói là xưa nay. Biệt đi vào Thông mà có Trung đạo vốn là trí, dẫn dắt phương tiện

vốn là Tinh Viên giáo tuy có ba ý phù hợp với các vị trước mà nay chỉ thành trí, thuyết ra thì thành lời. Theo trí có thể biết. Tiếp theo trong phần liệu giản hỏi hai loại Nhị Đế trước đây luôn luôn là tùy tình, trí vẫn hỏi trong câu hỏi ở đây, phân định hai giáo trước đều thuộc về tùy tình, cùng với văn phân định ba Giả trong Chỉ Quán và văn này trong quyển thứ hai trước đây chỉ dùng Tam Tạng giáo mà làm Tùy tình, còn lại đều tùy lý thì đồng - dị thế nào? Đáp: Ở đây có ba sai khác: Một là: văn kia lấy Tiểu và Đại đối lập với nhau vì vậy Tam Tạng giáo chỉ thuộc về tùy tình, ở đây dùng hai lý Quyền Thật đối lập với nhau cho nên hai giáo trước đều thuộc về tùy tình. Hai là: văn kia vì Thông nói rõ quán môn mà lại chỉ bốn trích Tam Tạng cho là tùy sự, ở đây là nói rõ đối với ý kinh Pháp Hoa, cần phải dùng Trung đạo mà làm tùy lý. Ba là: văn kia trình bày về ba Giả, ba Giả là Tục, Tạng - Thông hai Tục vốn là Túc và Bất Túc khác nhau. Văn kia phân định Sự Lý không giống nhau, văn này phân định về Nhị Đế, Nhị Đế đều là Quyền không hợp với lý Trung đạo, vì vậy ở đây phân định đều thuộc về tùy tình. Trong trả lời dùng Đệ nhất nghĩa so sánh với ba Tất đàn bởi vì hai giáo trước không có Trung đạo. Phần tiếp dựa theo năm Vị như văn. Bốn là trong phần khai mở Quyền, có hai: Trước là nêu ra; tiếp là giải thích. Trong giải thích có ba: Một. Tổng quát nêu ra ý xuất thế của chư Phật ba đời; Hai. Đưa ra luận để chứng minh ý Phật; Ba. Từ “Thỉ kiến...” trở xuống chính thức trình bày về tướng khai mở. Ý văn phần đầu, không phải chỉ có Đức Thích Tôn mà chư Phật ba đời giáo hóa đều như vậy, cho nên biết ba đời Như Lai hễ xuất thế lúc nào, đều là vì có ý khai mở tri kiến của Phật. Văn phần hai lại có hai: Trước là dẫn luận, tiếp từ “Tất phi...” trở xuống là giải thích ý Luận, chỉ vì phù hợp tên gọi Chân Thật là Hoa Đài, bởi vì nội tâm giống như Phật phù hợp với Chân Thật, vì vậy khiến cho đức hạnh bên ngoài giống như Phật ở trên đài cao. Trong phần ba là chính thức khai mở, có ba: 1. Sơ lược trình bày về ngày nay đi vào Thật thi thiết Quyền; 2. Từ “Hữu nhân...” trở xuống là trình bày về lâu dài thi thiết Quyền đi vào Thật; 3. Từ “Kỳ vị nhập...” trở xuống là chính thức trình bày kinh này khai mở Quyền hiển bày Thật. Văn phần một lại có hai: Một là chính thức trình bày đi vào Thật khai mở Quyền; Hai là trình bày về tướng của cơ cảm. Văn phần một lại có hai: Trước là trình bày đi vào Thật; tiếp là từ “Vi vị nhập...” trở xuống là thi thiết Quyền. Đầu tiên gọi là Bồ tát lợi căn thuộc Hoa Nghiêm, đã đi vào Thật hoàn toàn, Biệt giáo Bồ tát ấy tạm thời gác lại không bàn đến, bởi vì Bồ tát này hãy còn dễ dàng khai mở, mà hàng Bồ tát khó khai mở thì phải

tiếp tục dùng pháp Tiểu thừa để phát khởi. Tiếp theo vì thi thiết các giáo ở Lộc Uyển, cho nên gọi là chỉ có các giáo trước Tam Tạng. Tiếp trong năm lớp giống như trong bảy lớp trước đây thì ý văn cũng có thể thấy. Tiếp đến phần cảm ứng có thể thấy. Tiếp theo trong phần trình bày về lâu dài, có hai: Một. Đưa ra xưa kia; Hai. Từ “Kim ngôn...” Trở xuống là chính thức giải thích, trích dẫn chỉ là phương tiện mà thôi, như Chỉ Quán ghi lại. Trong đó lại có hai: Trước là trình bày về lâu dài thi thiết Quyền, tiếp là trình bày về đi vào Thật. Phần đầu lại có hai: Một là thuật lại Tịch Tràng để so sánh; Hai là lần lượt trình bày về lâu dài. Văn phần đầu là trừ ra người đã đi vào và người đang đi vào ấy, tất cả là Pháp Hoa phương tiện cho nên ánh sáng chiếu rọi cõi khác đến vì Đốn giáo khai mở Tiệm giáo, đầu là cõi khác thì từ “Hựu đồ chư Phật...” trở xuống bốn hàng là nói về Đốn, từ “Nhược nhân tao khổ...” trở xuống ba hàng là Tiệm ban đầu, tức là Lộc Uyển, từ “Văn Thù Sư Lợi Ngã trú ư thử” xuống dưới ba mươi hai hàng rưỡi là Phương Đẳng - Bát-nhã, đây là Tiệm - Đốn của các cõi khác. Tịch Tràng bao gồm Quyền - Đốn về sau vì một Đốn mà thi thiết ba Tiệm, bởi vì một Tiệm gồm cả Đốn chọn lấy cơ không thích hợp, cho nên đến Lộc Uyển và hai vị còn lại. Tiếp từ “Văn Thù...” trở xuống là chính thức lần lượt trình bày về lâu dài, trong đó lại có ba: Một. Chính thức trình bày; Hai. Từ “Văn vân...” trở xuống là dẫn chứng; Ba. Từ “Đương tri...” trở xuống là kết luận, vậy thì thi thiết giáo hóa trong hai văn Bốn - Tích, chưa đi vào Chân Thật ấy đều là sự dẫn dắt của Pháp Hoa hôm nay. Vì vậy biết Bồ tát lúc đầu mới phát tâm về sau đã hóa độ chúng sanh, cho đến thành đạo về sau trải qua trần giới số kiếp như thế, khắp mọi nơi đều thành thực nay mới đi vào Chân Thật. Nên biết rằng Thật Đạo đâu dễ dàng có thể bước lên, huống là đời nay tự mình hãy còn chưa đi vào, còn ở vị lai xa vời mới đạt được, há không phải là phiền não sâu dày căn tánh khó quay lại, không gặp được năng lực khéo léo của Như Lai thì đâu có mong gì được đi vào. Cho nên nhìn thấy Diệu Chỉ này thuận theo chịu khó suy nghĩ thường xuyên lắng nghe, hết lần này đến lần khác mới được! Chứng minh kết luận có thể biết. Tiếp từ “Bốn lai...” trở xuống trong phần trình bày đi vào Thật, lại có hai: Một. Trình bày về từ lâu xa đi vào Thật; Hai. Trình bày về đời này đi vào Thật. Lấy sự thi thiết giáo hóa xưa và nay có từng đoạn từng đoạn lợi ích chân thật lẽ nào đối đãi với hiện tại ư? Văn trong phần đời này nói cùng với người xưa kia đi vào không sai khác là Sự có Bốn - Tích, Lý xưa nay như nhau, cho nên nay đi vào, xưa đi vào thì lý không có gì sai biệt. Ba là trong phần kinh này đi vào, có

hai: Một là chính thức trình bày về khai mở; Hai từ “Nhược như...” trở xuống là ca ngợi Giáo gạt bỏ Thiên.

Văn phần một lại có năm: 1. Từ đầu đến cuối dựa theo bốn vị luận về khai mở; 2. Từ “Chư giáo...” trở xuống dựa theo các Giáo trong các Vị khai mở rộng ra; 3. Từ “Tam Tạng...” trở xuống là nêu ra khó so với dễ; 4. Từ “Văn vân...” trở xuống là dẫn chứng; 5. Từ “Thử tức...” trở xuống là tổng kết. Phần một như văn. Trong văn phần hai nói trong các giáo, hoặc là Vị thứ năm, ba, hai hay một và hoàn toàn sanh ra ấy, là chỉ chung cho bốn vị gọi là các giáo, lại như Phương Đẳng Bát-nhã sơ chứng Nhị thừa gọi là Nhất Vị. Nếu như Lộc Uyển đã chứng được lợi ích công kích và gạt bỏ thì gọi là Vị thứ hai. Đạt được lợi ích đào thải (gạn lọc) thì gọi là Vị thứ ba. nếu các Bồ tát ở các giáo trước có thể đoạn trừ kiến tư hoặc thì gọi là Trú ở Vị thứ hai, có thể đoạn trừ vô tri gọi là Trú ở Vị thứ ba, có thể điều phục vô minh gọi là Trú ở Vị thứ bốn. nếu trú ở Vị thứ bốn thì đã thành tựu Diệu Hạnh cho nên ở đây không bàn luận. Hoàn toàn chưa điều phục tất cả các Hoặc gọi là hoàn toàn sanh. Hoa Nghiêm và Lộc Uyển thuận theo luận về hiển mật, suy nghĩ có thể thấy. Đây là dựa theo luận về chiều ngang không liên quan đến đi vào theo chiều dọc. Nếu như đi vào theo chiều dọc thì độn căn Bồ tát và người Nhị thừa theo thứ tự trải qua giáo mà không luận về tăng giảm. Phần ba là so sánh có thể thấy. Không thay đổi địa vị vốn có mà ngay nơi thô trở thành Diệu cho nên nói là Đương Môn. Trong phần dẫn chứng nói xe lớn bảy thứ báu ấy là đều hợp với tập khí vốn có mà đi vào Đại thừa Viên giáo, tập khí vốn có không như nhau mà Đại thừa Viên giáo chẳng phải một. Phần năm là kết luận như văn. Tiếp trong phần ca ngợi và chỉ bốn trích, có hai: Trước là tổng quát ca ngợi; tiếp từ “Nhân bất kiến...” trở xuống là được – mất. Phần đầu lại có ba: 1. Dựa theo Hóa nghi; 2. Ý Phật; 3. Giáo chỉ. Tiếp là phần được, mất, lại có hai: Trước là mất, tiếp là được. Văn phần đầu nói khinh mạn không làm cho dừng lại thì lưỡi nát trong miệng, ấy là không hiểu rõ ý chỉ cao nhất của tông chỉ Pháp Hoa, cho rằng chỉ là sự tướng thọ ký cho Thanh văn mà thôi, không bằng Hoa Nghiêm - Bát-nhã dung thông vô ngại. Người nói như vậy là khuyên can nói rõ không làm cho dừng lại thì lưỡi nát nào nghi ngờ gì. Như Tung Pháp Sư ở chùa Bành Thành nói “Phật trí lưu động đến lúc Vô Thường, lưỡi nát trong miệng hãy còn không thay đổi chí hướng”. Lại như Đại Kinh quyển thứ năm nói: “Nay Ta vì các Thanh văn, các hàng đệ tử thuyết về Tỳ Già La Luận, đó gọi là Như Lai thường tồn tại không thay đổi. Nếu có người nói rằng Như Lai Vô

Thường, làm sao nói lưỡi người này không đọa lạc?” Lại nói: “Nếu có người nói rằng Như Lai cho phép nuôi nô tỳ tôi tớ, thì khiến cho lưỡi co rút lại”. Như vậy bài báng hai môn Thừa, Giới đều làm cho lưỡi hủy hoại. Vì vậy biết nếu người nói sự tướng, thì không thấy lý Diệu hiển bày độc đáo suốt một thế hệ, không thấy công năng giao cho tài sản của Bát-nhã, Bát-nhã dung thông cùng với Pháp Hoa nào khác nhau? Nhị thừa ở xưa kia tự mình không mong cầu giữ lấy, đến nay mới nói không cầu tự nhiên đạt được. Đã - đang và sẽ Diệu từ nay làm cho mê muội, lưỡi nát không làm cho dừng lại, hãy còn là Hoa Báo, tội lỗi hủy báng giáo pháp làm cho đau khổ Vô lượng đời kiếp, đầy đủ như Chỉ Quán quyển thứ bốn giải thích trong phần mười tám nghịch lưu.

Tiếp từ “Nhược đắc...” trở xuống trong phần trình bày về Được, lại có hai: Trước là trình bày về Được, tiếp là từ “Nhiếp Đại thừa...” trở xuống là tiếp tục vạch rõ Giáo đạo. Văn phần đầu lại có bốn: 1. Dựa theo pháp để trình bày về Được; 2. Dựa theo Tam Thế Phật để trình bày về Được; 3. Nêu ra Niết-bàn để giải thích chỗ khó hiểu; 4. Kết luận khuyến khích. Văn phần một là có một mảy thiện đầu đến Bồ-đề xuyên suốt Quyền Thật giữ chặt Bốn Tích, cho nên nói ý khí rộng lớn, Đại - Tiểu hòa nhập lẫn nhau cho nên nói là trải qua lẫn nhau, vượt qua giáo tiếp nhận lẫn nhau cho nên nói phù hợp trong nhau, từ nông đến sâu cho nên nói bàn luận sâu xa, chọn lấy cơ hiển bày Bí mật cho nên nói tinh vi, từng vị từng vị lợi ích khắp nơi cho nên nói rộng khắp không gian, đều đến Pháp Hoa cho nên nói cùng tận thời gian. Phần hai từ “Nhị vạn...” trở xuống là dựa theo Tam Thế Phật cần phải đầy đủ như trong chương năm vị Phật, nay sơ lược dựa vào Đăng Minh - Di Lạc mà thôi. Tiếp nối phần trên nói là nương nhờ, tuy là Phật không có hơn kém, mà Ta đã thi thiết Quyền và hiển bày Thật ấy, Thật Lý cao thượng cho nên nói là bình đẳng như nhau. Phần ba là giải thích chỗ khó hiểu, thắc mắc rằng: Pháp Hoa đã hiển bày Thật tại sao Niết-bàn lại thi thiết Quyền. Vì vậy lập tức giải thích điều đó. Giải thích rằng chuộc mạng phải dùng nhiều vật báu, trong Kinh Niết-bàn mười bốn nói: “Như người có bảy báu không lấy ra sử dụng gọi đó là cất giữ, người này cất giữ tích chứa vật báu này vốn là vì tương lai, đó gọi là phòng khi thóc lúa đất đỏ - giặc đến xâm hại đất nước, bất ngờ gặp phải vua ác để đem ra chuộc mạng, lúc tiền bạc khó khăn mới đem ra chi dùng, bí tạng của chư Phật cũng lại như vậy, vì đời vị lai các Tỳ-kheo tệ hại tích chứa đồ vật bất tịnh, vì bốn chúng nói Như Lai cuối cùng đi vào Niết-bàn, đọc tụng kinh sách ngoại đạo mà không dạy bảo kinh Phật. Lúc những việc ác như

vậy xuất hiện ở thế gian, vì diệt trừ các điều ác cho nên thuyết ra kinh này, kinh này nếu hủy diệt thì Phật pháp sẽ hủy diệt”. Nay Tông phái này dẫn ý dựa vào Bộ Đại Kinh để làm vật báu quý giá. Nếu mất dần văn này thuận theo có hai nghĩa đơn, phức. Vốn nói là phức, đó gọi là Thừa và Giới. Nếu nói không cho phép tích chứa tám vật bất tịnh, thì đây là phần Giới, phần Sự. Nếu nói Như Lai cuối cùng nhập Niết-bàn và ngăn chặn kinh sách ngoại đạo, thì đây là phần Thừa, phần Lý. Bởi vì các văn trước sau của Bộ Kinh ấy đều dựa vào Sự thuyết về Thường. Nếu trong thế hệ cuối cùng, các Tỳ-kheo tộ hại phá giới nói Như Lai là Vô Thường và đọc tụng kinh sách ngoại đạo thì hoàn toàn không có Thừa - Giới đã mất đi tánh mạng thường trú, dựa vào kinh này giúp đỡ Luật thuyết là Thường thì Thừa và Giới có đủ. Vì vậy gọi kinh này là vật báu quý giá chuộc lại tánh mạng thường trú. Vốn nói là đơn thì chỉ dựa theo phần Giới, kinh ấy giúp đỡ Luật, Luật là vật báu quý giá chuộc lại tánh mạng thường trú. Vì vậy kinh Pháp Hoa trình bày về Thường đã đủ, lại thuyết về chuộc mạng ấy, là ân cần trịnh trọng bảo vệ cho Thường trọn vẹn, giống như người chấp tay dẫn dò cẩn thận mà thôi. Văn giải thích rằng: Chấp tay ấy là nghiêng bàn tay chạm nhau vậy. Phần bốn trong kết luận khuyến khích nói: Quán sát những điều này lại như Thật Tướng các pháp, tức là nói trăm Giới ngàn Như, tâm - Phật - chúng sanh là ba pháp không có gì sai biệt, cho đến nói nhân vốn có là nay dẫn đưa ra, lẽ nào vì thấy thua kém mà xưng kinh này là Vương sao? Đừng lấy tình ý con người câu thúc bầu thái hư kia, là chớ dùng tình chấp thế gian cố ý giữ lấy giáo thuyết phù hợp cơ nghi của Như Lai để câu thúc ý khí bao la lượng bằng thái hư của kinh Pháp Hoa kia. Tiếp theo trong phần gạt bỏ Giáo đạo, có hai: Một là nêu ra sai lầm của Luận Sự; hai từ “Kim thí...” trở xuống là trình bày về tông phái này gạt bỏ sai lầm. Đầu tiên nói mười loại tướng thù thắng trong nhiếp Đại thừa Luận, Luận ấy từ đầu đến cuối chỉ trình bày về nghĩa của mười loại tướng thù thắng, phân làm mười phẩm. Luận ban đầu nói: “Bồ tát muốn hiển bày công đức của Đại thừa dựa vào giáo thuyết Đại thừa nói như vậy: Chư Phật Thế Tôn có nghĩa về tướng thù thắng đã thuyết ra không gì sanh bằng và hơn hẳn giáo khác. Nói về tướng thù thắng ấy có mười loại: 1. Y chỉ; 2. Biết thích ứng; 3. Đi vào biết thích ứng; 4. Nhân quả; 5. Đi vào nhân quả tu tập sai biệt; 6. Đối với sai biệt căn cứ vào Giới học; 7. Đối với Trung đạo dựa vào Tâm học; 8. Đối với Trung đạo dựa vào Tuệ học; 9. Học đạt được quả tịch diệt; 10. Bốn trí sai biệt”. Văn Luận trước là nêu ra, tiếp là sanh khởi. Giải thích về tướng thù thắng thứ nhất, trình bày về

nghĩa Thức thứ tám sanh ra mười hai nhân duyên. Nói là y chỉ, nghĩa là nơi nương nhờ. Chân đế đã dịch là dựa vào Am-Ma-La-Thức, các người dịch đời sau đều nói là dựa vào A Lại Da Thức. Nếu như tất cả chấp thành tánh Tự - Tha, thì một Luận hai bản dịch hãy còn phát sinh hai chấp hướng là các Bộ ư? Luận Sư dấy A Lại Da dựa vào đó phá bỏ Địa Luận Tông, cho nên nói là Phiền Tông, Phiền tức là thay đổi vậy, khiến cho Địa Luận Tông sụp đổ quy về Tông mình thâm nhiếp. Tiếp theo trong phần trình bày về tông phái này gạt bỏ, phân thành tám: 1. Tổng quát nêu ra mười Diệu trong Tích; 2. Tách biệt dùng Diệu thứ nhất ví như phá đổ; 3. Từ “Tứ tất...” trở xuống dùng hợp cơ để so sánh quyết định; 4. Từ “Bỉ trực...” trở xuống là gạt bỏ thiên lệch; 5. Từ “Nhân duyên” trở xuống là lần lượt so sánh quyết định; 6. Từ “Đương tri...” trở xuống là kết luận ca ngợi; 7. Từ “Thiên Trúc...” trở xuống là nêu ra thù thắng so sánh thua kém; 8. Từ “Tự tự...” trở xuống là kết luận. Phần một như văn. Văn phần hai là tạm thời dùng thiếu phần Cảnh Diệu thứ nhất của mười Diệu trong Tích so sánh với tướng toàn phần đầu tiên của mười tướng thù thắng kia, ở trong thiếu phần hãy còn có những thiếu sót, trong bốn câu chỉ đạt được một câu về Tự - Tha mà thôi, cho nên trước đó gạt bỏ rằng có những thiếu sót. Hơn nữa, phá bỏ, thiết lập thì cùng thiết lập, không giống như Luận kia chỉ chấp vào một câu, cho nên nay văn nói: Nhân duyên bất tư nghị, há giống như văn luận về A-lại-da và nhân duyên Tự - Tha của A ma la hay sao? Văn tuy cả hai nêu ra phân biệt mà chắc chắn phải thiên chấp như hai bản dịch mới và cũ, cũng như Địa Luận Tông mà hai vùng Nam Bắc vẫn thành tánh sai lầm đều chấp không giống nhau ư? Phần ba là bốn Tất đàn trong hợp cơ đều thiết lập không như nhau mà Luận kia chỉ thiết lập một câu. Phần bốn trong gạt bỏ thiên lệch thì Luận kia cho rằng một câu là một đạo. Từ “Bất kiến...” trở xuống là nêu ra được để hiển bày cái mất kia; bốn vị tăng giảm là khai hợp, Đốn - Tiệm có thể biết, bởi vì Giáo - Hành sai khác cho nên Tình, bốn trí đều không giống nhau. Ý thứ năm là Cảnh Diệu có sáu, nhưng bởi vì chỉ đạt được một phần ít hướng là những phần khác ư? Phần sáu từ “Đương tri...” trở xuống là kết luận, hình như vẩy cá xếp chồng từng lớp... ấy là mười Diệu sanh khởi như vẩy cá, đều có đủ các pháp như xếp chồng, đối với mỗi một Diệu như vẩy cá như xếp chồng, cũng lại như vậy. Nghĩa về Chân Đan trong ý thứ bảy, như Chỉ Quán quyển thứ hai ghi lại. Phần tám là văn kết luận có thể biết. Tiếp theo trong phần trình bày về ba Đế, lại có hai: Một là dựa vào giáo khác để thiết lập danh nghĩa; hai là chính thức mở ra chương giải thích. Trong

văn phần một lại có ba: 1. Dựa vào kinh khác thiết lập tên gọi; 2. Dựa vào kinh này thiết lập; 3. Hỏi đáp liệu giản. Hai phần đầu như văn. Phần ba trong liệu giản: Trước là hỏi, tiếp là trả lời. Trong trả lời có ba: Một. Nêu ra kinh Thắng Man dùng ví dụ Niết-bàn để gạt bỏ câu hỏi; Hai. Lại nêu ra kinh Lăng Già để ví dụ kinh khác dùng trả lời chất vấn; Ba. Kết luận. Văn phần một, có hai: Trước là tổng quát gạt bỏ, tiếp là giải thích. Phần hai ví dụ, phần ba kết luận có thể biết. Tiếp trong phần trình bày đích thực ba Đế, tự có ba. Văn phần đầu có hai: Trước là trình bày về gạt bỏ giữ lấy tức là ý hướng đến; tiếp là chính thức giải thích về năm văn. Trong văn phần đầu dựa theo Biệt đi vào Thông gợi ý về chẳng phải lậu, chẳng phải Vô lậu, ở trong Chân đế gợi ý nêu ra Trung đạo cho nên nói là cả hai chẳng phải, đương giáo luận về Trung đạo đã khác với Không cho nên có cả hai chẳng phải. Một mà ba, ba mà một như Chỉ Quán ấy là như quyển thứ ba trong phần Hiển Thể và quyển thứ bảy trong phần Phá Hoàn Thụ. Trong phần phân định cũng có hai, dựa theo Giáo, dựa theo Vị khai mở như văn. Sáu là trình bày về một Đế, lại phân làm ba: 1. Phân biệt; 2. Phân định; 3. Khai mở. Phần một lại có hai: Một. Pháp; 2. Ví dụ. Trong ví dụ chỉ nói chung về Chuyển Bất Chuyển đối lập với nhau để trình bày về một Đế, ngay nơi một Thật Đế vốn là Bất Chuyển. Cái gọi là giống như say mà chưa nôn ra thấy mặt trăng mặt trời chuyển đổi..., trong kinh thứ hai nói: “Các Tỳ-kheo thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Ví như người say nên tâm họ mê hoặc hỗn loạn nhìn mọi thứ như núi sông thành quách cung điện mặt trăng mặt trời tinh tú thấy đều xoay chuyển. Nếu có người không tu tập ý tưởng về Khổ - Vô Thường - Vô Ngã..., thì không gọi là Thánh. Đức Phật liền quay lại ví dụ người say này, trở lại quở trách Tỳ-kheo rằng: Ông đã đưa ra ví dụ người say ấy, chỉ biết văn từ mà không biết nghĩa lý. Như thế nào là nghĩa lý? Như người say kia, thấy mặt trăng mặt trời trên cao thật sự không xoay chuyển mà nảy sinh ý tưởng xoay chuyển; chúng sanh cũng như vậy, bị các vô minh phiền não cùng che lấp mà sinh ra tâm điên đảo, Ngã cho là Vô Ngã...” Nên biết rằng Tỳ-kheo vô minh chưa nhổ ra nói là có hai đế, mặt trời vốn có như một Đế, mặt trời xoay chuyển giống như Thế Đế. Đây là thật có hai Đế. Nếu người Nhị thừa đối với mặt trời xoay chuyển phía trên lại nảy sinh ý tưởng xoay chuyển, vì thế người Nhị thừa lấy Tục đế của Bồ tát nói rằng là Chân đế. Vì vậy văn sau nói: Tam Tạng toàn là chuyển, hai tức là hai Đế của Nhị thừa vậy. Do đó văn bảy loại Nhị Đế trong Đại Kinh mười hai cuối cùng nói về một Thật Đế, Văn Thù thắc mắc rằng: “Tức là Như Lai và

hư không đều có Phật tánh không sai biệt gì chăng?” Ý thắc mắc này là: “Nếu chỉ có một Như Lai chân thật thì Phật tánh sẽ giống như hư không ư? Đức Phật dạy: Có Khổ, có Đế, có Thật, cả ba pháp cũng như vậy; Như Lai chẳng phải Khổ, chẳng phải Đế là chân thật hư không, Phật tánh cũng lại như vậy, vậy thì chỉ có một Thật Đế”. Tiếp trong phần phân định cũng trước là dựa theo Giáo, tiếp là dựa theo Vị. Trong văn cũng lại dùng chung Chuyển, Bất Chuyển, so sánh phân rõ về thô Diệu, nếu trải quá các giáo thì từng giáo, từng giáo như nhau. Tiếp từ “Tam Tạng...” trở xuống trong phần dựa theo năm Vị, có hai: Một là chính thức trình bày; Hai là dựa vào kinh Địa Trì để hiển bày về một Thật. Văn phần một lược bớt không có ý về giáo Hoa Nghiêm, là hợp vào văn sau nói: các giáo Đại thừa tức là ý đó vậy, văn không phức tạp cho nên hợp vào đoạn sau mà thôi. Vì vậy biết ý văn dùng Chứng Đạo trình bày về Trung đạo là Diệu Bất Chuyển, Giáo Đạo cũng thuộc về dẫn dắt Chuyển vốn là vậy. Tiếp trong phần dựa vào kinh Địa Trì, có hai: Một là dựa vào kinh Địa Trì; Hai là nương theo văn này về sau dựa theo người thực hành phá chấp. Văn phần một, có hai: Đầu là dẫn văn, tiếp là chính thức trình bày về ý này. Phần đầu ý có hai loại: Văn trước dựa theo Hạnh, văn sau dựa theo Giáo. Đầu là nói kinh Địa Trì trình bày về những tướng của Địa, tướng của Địa có nghĩa là quán Trung đạo ở địa vị Địa Tiền và Hồi Hướng cùng lưu thông nên tướng của Địa hiện rõ trước mắt; từ Đẳng Địa trở đi, trình bày về pháp chân thật xưng là Địa Thật, Sơ Địa vốn chính là Sơ Trú vậy. Văn tiếp theo nói: Còn những giáo môn; ấy là dựa vào nghĩa của Giáo đạo, dùng bốn Tất đàn giải thích về pháp Đẳng Địa thì gọi là Giáo Đạo, vì vậy biết từ Sơ Địa trở lên vẫn còn Giáo Đạo. Nếu nói về pháp đã chứng của Thập Địa thì tức là Chứng Đạo. Tất cả các cách giải thích về nghĩa tách biệt thì phần nhiều sử dụng ý này, đầy đủ như Chỉ Quán thứ ba ghi lại. Tiếp là ý hiện nay, dựa vào văn này chứng minh Quyền - Thật Bộ, Pháp Hoa trở về trước giống như Giáo Đạo về tướng của Địa, đến kinh Pháp Hoa giống như Địa Thật và Chứng Đạo. Nói rằng Phật tự chứng gọi là Địa Thật, dựa theo Phật tự hành cho nên nói là Chứng Đạo. Tiếp là nương theo văn này về sau dựa theo người thực hành phá chấp... ấy, là phá trừ cái chấp của thế hệ sau cuối, Đế tuy là Diệu mà chấp trước cho nên trở thành thô, phá trừ chấp tình ấy mà không vạch rõ đối tượng chấp trước, đối tượng chấp vào vốn là Diệu chẳng liên quan gì với tình chấp của con người, khai mở thô giống như văn. Vô Đế là chỉ có các Đế Lý trước đây không thể diễn tả được cho nên gọi là Vô. Nếu như bàn luận thông suốt,

thì Đại - Tiểu đều có Vô Đế, Thông tức là Biệt cho nên Biệt mới thành Thông. Như Bà Sa nói: “Trong kinh Phật nói nhất đế vô đế.

Hỏi: Có nghĩa về bốn Đế, tại sao chỉ nói nhất đế?

Tôn giả Ba Xa nói: Nhất đế là Khổ Đế không có Khổ thứ hai, cho đến Đạo Đế không có Đạo thứ hai. Lại nữa, nhất đế ấy gọi là Diệt Đế, vốn là để phá trừ các loại Giải thoát của ngoại đạo. Lại nữa, nhất đế ấy gọi là Đạo Đế, vốn có năng lực làm sạch khổ đau của ác đạo. Và lại, Đức Phật thuyết về Nhị Đế ấy, gọi là Thế thế và Đệ nhất nghĩa đế. Hoặc nói Thế đế nghĩa là Khổ Tập, Đệ nhất nghĩa đế gọi là Đạo Diệt”. Trước đây hợp bốn Đế lại làm thành hai, chính là sử dụng ý này. Lại có nơi giải thích: Thế đế gọi là Khổ Tập Diệt, Đệ nhất nghĩa đế gọi là Đạo đế. Bình luận điều ấy rằng: bốn Đế cũng đều là Thế đế, cũng là Đệ nhất nghĩa đế. Như Khổ Đế và Thế đế, thì Khổ - Không - Vô thường Tập nhân duyên sanh là Đệ nhất nghĩa; Diệt là Thế Đế, thì như Đức Phật thuyết rằng giống như thành quách vườn rừng cây cối, là Đệ nhất nghĩa đế ấy tất cả chỉ có Diệu xa lia; Đạo là Thế đế, thì Đức Phật thuyết rằng Đạo đế như bè mảng, như núi non, như bậc thang, như lầu gác, là Đệ nhất nghĩa đế thì Đạo như Tích, như Thừa. Nếu bốn Đế đều là Đệ nhất nghĩa, thì Thế đế nói là ám giới nhập, Đệ nhất nghĩa đế cũng nói là ám giới nhập. Trong Tiểu thừa kia hãy còn khai hợp bốn Đế thành Thế đế và Đệ nhất nghĩa đế, huống là Đại thừa ư? Trong đó trước là chính thức trình bày về Vô Đế, tiếp là hỏi đáp liệu giản. Văn phần đầu lại có hai: Một là tách biệt dựa theo Lý cao nhất để trình bày về Vô Đế; Hai là cùng dựa theo các Giáo để trình bày về Vô Đế. Trước đây trình bày về Vô Đế. Trước đây trình bày về Nhất Đế cũng có hai nghĩa chung riêng không giống nhau, cho nên nay cũng như vậy. Lý không có hai điểm cao nhất cho nên cùng quay về hoàn toàn không có, duyên chúng sanh khác nhau cho nên lại trải qua Giáo. Trong phần đầu có ba: Một. Chính thức thiết lập Vô Đế; Hai. Từ “Nhất nhất...” trở xuống là phân định thô Diệu; Ba. Từ “Bất khả thuyết diệt bất khả thuyết...” trở xuống là trình bày về Tuyệt đãi tức là khai mở phần thô. Văn tiếp theo lại có hai: Một. Bốn Giáo; Hai. Năm Vị. Văn phần một có hai: Trước là nêu ra bốn giáo, tiếp là trình bày phân định về khai mở. Phần đầu bốn giáo như văn. Tiếp từ “Bất khả thuyết...” phía trước trở đi là phân định. Tiếp từ “Nhược thô dị Diệu...” trở xuống là khai mở. Dựa theo văn trên dưới ví dụ thuận theo khai mở ở sau năm Vị, nay tùy thuận tất cả trình bày đối với Lý không sai lầm gì. Tiếp trong phần dựa theo năm Vị, đầu là phân định, tiếp là thuận theo khai mở phần thô như trước ấy

là ví dụ bốn giáo khai mở trước đây. Tiếp đến trong phần liệu giản có ba tầng hỏi đáp. Đầu là hỏi thì cùng dựa theo các Giáo để hỏi: Đã nói là Vô Đế, thì chỉ thuận theo như trước trải qua Giáo để trình bày về Thật, tách biệt dựa theo Lý cao nhất, Lý tức là một Thật thì tại sao các Giáo đều luận về Vô Đế? Ý trả lời là vì phá trừ chấp Lý mà sinh ra hý luận, do đó nói là Vô; Đại - Tiểu thừa giáo đã cùng có Lý, vì vậy Đại - Tiểu đều luận về vô Đế. Do đó dẫn ví dụ nói: Diệt vốn không có Hoặc, duyên vào Diệt phát sanh Hoặc, như tam giới lợi độn có mười chín Sử như nhau, chỉ phá trừ chủ thể chấp trước mà không phá bỏ đối tượng duyên theo, ý bây giờ cũng như vậy. Tiếp theo hỏi: Tiểu thừa chưa đạt được mà chấp trước thành hý luận, vì vậy cần phải phá trừ. Nếu thật sự chứng được Lý vẫn là Quyền, vì vậy cũng phá trừ. Nay dùng ý này ví dụ chất vấn đối với Đại thừa, đã đạt được thì Đại - Tiểu cùng luận về Vô Đế cũng thuận theo Đại - Tiểu đạt được, nếu không thì đều phá bỏ hay sao? Trả lời rằng không ví dụ ấy là Tiểu thừa đạt được hay không tất cả đều có Hoặc, vì vậy đều phá bỏ; Đại thừa không đạt được mà có Hoặc cần phải phá bỏ, đạt được thì không còn Hoặc nhất định đâu cần phải phá bỏ, vì vậy không ví dụ. Ý hỏi tiếp theo thì Tiểu thừa là Quyền, phá bỏ Quyền gọi là Vô, Đại thừa là Thật, Thật Đế chẳng phải Vô, vì sao Trung đạo cũng gọi là Vô Đế? Ý trả lời rằng thật sự như điều đã hỏi, đối với người thật sự đạt được thì không cần phải nói là Vô, nay nói là Vô bởi vì người chưa đạt được. Tiếp theo là các cảnh khai hợp, trong văn có hai: Một. Trình bày về ý hướng đến; Hai. Chính thức trình bày về khai hợp sáu cảnh dựa vào văn theo thứ tự. Tất cả các cảnh về sau đều hướng về phía trước hợp lại, mười Như ở đầu tiên vì vậy trước tiên dùng nhân duyên hợp với Như, bốn Đế thứ ba vì vậy tiếp theo lấy bốn Đế hợp với hai, xuống phía dưới lần lượt lấy dưới hợp với trên thì làm thành sáu chương. Văn phần đầu nói Mạng ấy là mời gọi, là dấy khởi. Vì vậy lấy chương đều gọi là Mạng Chương. Tuyệt ngôn xưng thán ấy, văn nói: Chỉ có Xá-lợi-phất không cần phải tiếp tục nói, dứt lời ca ngợi rồi. Tiếp là ca ngợi cảnh tuyệt ngôn tức là mười Như, cho nên nói: Các pháp Thật Tướng, đó gọi là Tánh, Tướng, Thể, Lực... của các pháp như vậy. Nay lại nói năm cảnh, vì sao nói là đồng - dị? Trước đã nói về sáu cảnh, nay dùng nghĩa năm cảnh và mười Như có tên gọi khác nhau mà nghĩa như nhau, còn lại dưới hợp với trên ý như vậy cho nên lại trình bày về điều đó.

Trong đó có bốn:

1. Chính thức trình bày về ly, hợp.

2. Theo ví dụ trước thiết lập tùy tình đều có ba ý.

3. Hỏi đáp giải thích nghi ngờ.

4. Hỏi đáp thông suốt kinh. Dùng nghĩa kinh này nối thông với các cảnh, không giống như người khác danh nghĩa đều bế tắc, Bát-nhã rất nhiều tên gọi, Giải thoát Pháp thân cũng như vậy, phần nhiều các tên gọi đều đầy đủ như Chỉ Quán thứ ba ghi lại. Nếu như hiểu điều này thì khiến cho tất cả các giáo của Phật có tên gọi sai khác mà nghĩa giống nhau không có gì không thông suốt. Nếu đạt được ý này thì tự tại vô ngại, cho nên có khai hợp môn phát sinh. Văn phần đầu là nhân duyên hợp với mười Như, nếu đạt được ý giải thích tổng quát về mười Như từ trước tới nay, thì tương bởi vì dựa vào bên ngoài để so sánh triết tiêu nhân duyên nhân duyên nghĩa như nhau rõ ràng có thể thấy. Trong đó phân làm hai: Trước là ý khai hợp; tiếp là chính thức khai hợp, lại có hai: Một là chính thức hợp, hai là sơ lược chỉ ra. Phần một lại có hai: Trước là kết hợp hai loại tư nghị; sau là kết hợp hai loại bất tư nghị. Hai văn đều có hai cặp tổng, biệt. Văn phần đầu là trước so sánh, sau là kết luận. Trong so sánh thì trước là phân biệt như văn, tiếp là so sánh tổng quát thì nhân duyên là tổng mà mười Như là biệt cho nên nói là tổng. Tổng quát lấy nhân duyên hợp lại làm ba đạo, hai loại hợp lại mười Như cho nên nói vậy. Từ “Thử lưỡng...” trở xuống là kết luận như văn. Tiếp là hai loại sau phân thành hai: Đầu là chính thức so sánh; tiếp từ “Nhược đế...” trở xuống là phân rõ Thông - Biệt. Văn phần đầu thì trước là nêu ra, tiếp là so sánh. Trong so sánh thì trước là biệt, cũng là biệt, biệt lấy duyên so sánh Như, tiếp là tổng ấy, cũng tổng hợp để làm ba đạo, ba đạo tức là lý tánh ba đức cho nên nói cùng ở trong. Tiếp theo văn nói Tứ Thánh từng đoạn từng đoạn có khác nhau, như trước trong phần giải thích về bốn Giáo thì các Thánh thấy đều khác nhau, ở tại giới ngoại tất cả đều có mười hai Chi Hữu, như trong Chỉ Quán phần nhiếp pháp nhân duyên thuận nghịch tất cả đều có tướng đó. Bởi vì bốn Thánh trước đây cùng là giải thích về Viên giáo, như trong phần giải thích trước đây nói vô minh chuyển thì thay đổi trở thành minh... Trong phần giải thích tổng quát nói ba đạo chính là ba đức của tánh đức, cho nên nói ở trong thành tánh. Nhị thừa Bồ tát nên thuận theo thứ tự vì sao hợp lại vậy? Tạm thời từ phương diện chủng tánh lâu xa mà nói, nếu thuận theo cuối cùng mà nói thì cần phải phân làm bốn. Tiếp theo dùng bốn Đế hợp với Như và duyên, nếu biết Khổ Tập chỉ là duyên sanh Đạo Diệt, chỉ là duyên diệt mười Như tự phân thành giới nội, giới ngoại, tất cả có sanh diệt như nhau đâu đợi trải qua kết hợp? Bởi vì không hiểu rõ điều ấy cho rằng

danh nghĩa đều khác nhau do đó kết hợp làm cho nghĩa giống nhau, đều dẫn đến khí loại giống nhau trên đại thể, tổng quát hay sơ lược mà lĩnh hội được. Nếu trải qua phân tích từng điều một sợ rằng sẽ rắc rối phức tạp. Như trong Vô lượng Vô tác nói bốn Thánh giới ngoại Niết-bàn ấy, thì tên gọi của Niết-bàn vốn thông cả Đại Tiểu, tạm dùng ngôn từ diễn tả, cho nên nói cũng là Bát-nhã - Giải thoát, cũng là Pháp Thân vậy. Bốn Đế hợp với nhân duyên tức là chỉ biết nhân duyên có sanh, không có sanh cùng bốn Đế, có pháp thế gian - xuất thế gian, tất cả các văn tướng kết hợp rất rõ ràng. Tiếp là bảy loại Nhị Đế hợp với Như, duyên và bốn Đế, nếu biết Tục đế chỉ là Khổ Tập, Chân đế chỉ là Đạo Diệt, bốn loại phù hợp với nhau cho nên trở thành bảy loại, bốn Đế trước đây đã cùng với Như, duyên hợp lại thì bảy loại Nhị Đế hợp lại thành ba rõ ràng có thể thấy. Cũng vì chưa hiểu rõ cho nên lại kết hợp, nay cũng không vòng vo cặn kẽ chỉ tổng hợp tất cả mà kết hợp, trong bảy loại chỉ là thuộc về giới nội Tục tức là hợp với hai loại Khổ Tập của giới nội, thuộc về giới nội Chân tức là hợp với Đạo Diệt của giới nội. Lại có một Chân bao hàm cả Chân Trung cho nên nói Không, Bất Không biên thì phân ra hợp với Đạo Diệt hai nơi. Khổ Tập của giới ngoại dựa theo đây có thể suy nghĩ, thậm chí dựa theo Như và duyên có thể thấy. Tiếp theo là năm loại ba đế hợp với bốn văn trên, nếu đạt được tướng ly hợp của hai đế, ba đế, thì hai đế đã hợp với ba loại trên từ đầu đến cuối, thì biết ba đế và bốn loại trên như nhau cũng không đợi tiếp tục kết hợp, cũng bởi vì không hiểu rõ mà thôi. Và lại, càng muốn đạt được khí loại như nhau ấy là nối thông toàn bộ mà kết hợp cho nên tiếp tục kết hợp. Như trong phần kết hợp nhân duyên, vẫn nói nay tạm dùng để loại trừ ngay nơi tướng ấy vậy. Bởi vì năm loại Chân là tư nghị Diệt, cũng là bất tư nghị Sanh, cũng như năm loại ba đế hợp với bảy loại hai đế trong bốn loại trước đây không được kết hợp như nhau, cũng như hai Tục tức là năm Tục, hai Chân tức là năm chân, chính là phân chia Không, Bất Không biên, Không là năm chân, Bất Không là năm Trung, tất cả là nối thông toàn bộ chủng loại theo lệ quy định mà kết hợp, cho nên lại trình bày điều đó. Tiếp theo là một Thật hợp với năm loại, trước giải thích một Thật có Thông có Biệt, nay lại thuận theo Biệt cho nên giản lược Quyền chọn lấy Thật. Nếu như dựa vào Thông, thì thuận theo nói là cùng với bốn Thánh mười Như cùng là bốn, mười hai duyên Diệt cùng là bốn, bốn Đế Trung Diệt như nhau, bảy loại hai đế cùng với bảy chân như nhau, năm loại ba đế Trung cùng với năm Trung như nhau. Nói có giống nhau và không giống nhau ấy là giống như cùng với Trung đạo

của Viên chứ không giống như cùng với Trung đạo của Biệt, không giống như cùng với Đản Không Chân. Tiếp đến trong phần Vô Đế, có hai: Trước là lấy Vô hợp với sáu loại, tiếp là lấy Vô hợp với Vô. Phần đầu là văn trước đây trong phần nêu ra chỉ nêu ra sáu chương, trong phần giải thích cũng dựa vào một Thật để giải thích về Vô Đế. Nay đối với khai hợp cũng so sánh sáu loại trước, tên gọi khác nhau mà nghĩa như nhau, tách biệt so sánh nào ngại gì? Nói cùng với mười giống nhau, thì dựa theo các phương diện cứu cánh có thể nói như vậy. Nếu tướng tánh bình đẳng thì không phải là không có sai khác, như tướng tánh của sáu đường không gọi là Vô Đế, bốn Thánh nhưng có thể cùng gọi là Vô Đế. Nếu phân biệt chỉ ra một Thật thì chỉ có một Vô Đế. Nhưng mà trong các Giới thì tất cả đều là Như cho nên lại chọn lấy tất cả. Tiếp theo văn nói các vô minh diệt, các bất khả thuyết và bảy chân, năm Trung như nhau. Tiếp là lấy Vô hợp với Vô, lại có hai: Một. Kết hợp; Hai. Ý kết luận. Văn phần một, nếu Vô Đế không phải là không có thì không có trở lại thành có, vốn là vì phá chấp mà thiết lập Vô hợp với Vô. Tiếp là trình bày về ba ý. Văn trước chỉ dựa theo phân rõ về bảy loại hai đế, nay dùng bảy loại hai đế ví dụ cho năm cảnh còn lại, tướng đó có thể nhận biết cho nên không bàn luận vòng vo. Thứ ba trong phần hỏi đáp giải thích nghi ngờ, trước là ý hỏi về cảnh, đã khai mở Quyền hiển bày Thật chỉ thích ứng một Thật, tại sao phân rã thành sáu tướng không giống nhau, lại đi vào xen lẫn nhau Tình và trí ẩn hiện trong nhau? Tiếp là trong phần trả lời, có hai: Trước là tổng quát trình bày về ý của các tướng phân biệt; tiếp là chính thức dựa vào Vị trình bày về tướng khác biệt. Trong đó lại có hai: Một là pháp, hai là ví dụ. Văn phần một lại có hai: Đầu là giải thích, tiếp là kết luận. Phần đầu, đây chính là sự khéo léo không mưu cầu của Như Lai khiến cho nói về cảnh ly hợp khác biệt, trí soi xét lý nào đã từng tăng giảm, nhưng Đồng Thể Diệu Dụng không lay động mà chuyển vận, cho nên luôn luôn hợp với sự vật thì thiết khác nhau, chiếu rọi Diệu Cơ kia lý tàng ẩn bình đẳng không mưu cầu mà cảm được lợi ích không trống rỗng. Do đó đạt được các Vị, hoặc là hoành - thụ hoặc là hiển - mật, tuy chủng tử, thành thực, cõi bỏ (thoát) khác nhau, mà đi vào bí tạng không sai khác. Tiếp là kết luận có thể biết. Trong phần ví dụ: Trước là ví dụ; tiếp là so sánh. Thứ tư trong phần hỏi đáp thông suốt kinh, phần hỏi có thể biết. Ý trong phần trả lời, văn kinh này hạn hẹp chỉ sơ lược nêu ra mà thôi. Bởi vì những sự tiếp nhận và gởi gắm đều thuộc về Bát-nhã, vì vậy trong này dựa dựa vào đối tượng gởi gắm kia, nay sơ lược dẫn ra văn mười Như

thích hợp như văn. Trong phần mười hai nhân duyên dẫn ra phẩm Thí Dụ ấy, bởi vì hư vọng tức là vô minh, nếu đã có vô minh thì chắc chắn có mười một Chi. Trong Phẩm Phương Tiện, đã không thông suốt giáo xưa mà dựa theo làm thành duyên của chủng tử Phật cho nên bao gồm cả hai nghĩa. Tiếp trong phần Tứ đế đã có nhân quả thế gian thì ắt phải có pháp xuất thế gian luôn luôn Đối trị. Trong phẩm Dược Thảo cả bốn loại đều là Vô Sanh cho nên cùng nói là Không Vô thượng. Đạo tức là Đạo Đế, Như Lai Diệt tức là Diệt Đế. Lại thuận theo Chứng Đạo để thâm nhiếp Giáo Đạo, cho nên cùng với hai nghĩa như nhau. Một Thật Đế ấy chính là dùng những trợ đạo làm tên gọi Vô Đế có thể thấy.

